

THÔNG BÁO
Về việc kiểm tra công tác Tư pháp 6 tháng đầu năm 2018

Thực hiện Kế hoạch số 31/KH-STP ngày 26/12/2017 của Sở về triển khai các nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp năm 2018 (*được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 26/12/2017*), các kế hoạch chuyên đề trong lĩnh vực tư pháp năm 2018, Sở Tư pháp tiến hành kiểm tra công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2018 tại một số địa phương, cụ thể như sau:

1. Nội dung kiểm tra

a) Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác tư pháp trong 6 tháng đầu năm 2018 theo Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch số 31/KH-STP ngày 26/12/2017 của Sở Tư pháp về triển khai các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2018 ở địa phương.

b) Ngoài các nội dung tại Mục a, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra chuyên sâu đối với một số lĩnh vực công tác chuyên môn, cụ thể:

- Huyện Krông Năng: Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

- Huyện M'Đrăk: Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Thành phố Buôn Ma Thuột: Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.

- Huyện Krông Ana: Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

*Đối với nội dung kiểm tra nêu trên, đề nghị UBND huyện, thành phố được kiểm tra xây dựng báo cáo (theo đề cương gửi kèm) và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan (số liệu tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/5/2018). Đề nghị các đơn vị gửi báo cáo về Sở Tư pháp **trước ngày 15/6/2018** để phục vụ công tác kiểm tra.*

2. Thành phần tham gia kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra:

- Đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp làm Trưởng Đoàn.

- Các thành viên Đoàn kiểm tra gồm Trưởng hoặc Phó Trưởng một số phòng chuyên môn thuộc Sở (do Trưởng Đoàn kiểm tra quyết định).

b) Các địa phương được kiểm tra

- + Mời đại diện lãnh đạo Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND huyện;
- + Đại diện Ban Pháp chế HĐND, Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tư pháp, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính (Đề nghị UBND huyện thông báo mời).

3. Thời gian, đơn vị được kiểm tra, địa điểm kiểm tra

a. Thời gian, đơn vị được kiểm tra

- **08 giờ 00 phút, ngày 19/6/2018:** kiểm tra tại huyện Krông Năng (đ/c Phạm Văn Phước, Phó Giám đốc Sở - Trưởng đoàn).
- **08 giờ 00 phút, ngày 20/6/2018:** kiểm tra tại huyện M'Đrăk (đ/c Phan Thị Hồng Thắng, Phó Giám đốc Sở - Trưởng đoàn).
- **08 giờ 00 phút, ngày 21/6/2018:** kiểm tra tại thành phố Buôn Ma Thuột (đ/c Phạm Văn Phước, Phó Giám đốc Sở - Trưởng đoàn).
- **08 giờ 00 phút, ngày 22/6/2018:** kiểm tra tại huyện Krông Ana (đ/c Phan Thị Hồng Thắng, Phó Giám đốc Sở - Trưởng đoàn).

b. Địa điểm kiểm tra: Đề nghị UBND huyện, thành phố được kiểm tra bố trí địa điểm để Đoàn kiểm tra làm việc tại địa phương.

Vậy, Sở Tư pháp đề nghị Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nêu trên quan tâm chỉ đạo, phối hợp thực hiện và tạo điều kiện để Đoàn kiểm tra hoàn thành tốt nhiệm vụ. *le*

Nơi nhận:

- Giám đốc, các PGĐ Sở;
 - TT. HĐND, UBND các huyện M'Đrăk, Krông Ana, Krông Năng, thành phố Buôn Ma Thuột;
 - Phòng Tư pháp các huyện M'Đrăk, Krông Ana, Krông Năng, thành phố Buôn Ma Thuột;
 - Các phòng: XD&KTVBQPPL, VP, HCTP, PBGDPL, QLXLVPHC&TDTHPL;
 - Lưu: VT, VP (TH).
- (để chỉ đạo)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Thuận

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kiểm tra công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2018

*(ban hành kèm theo Thông báo số...../TB-STP ngàytháng 6 năm 2018
của Sở Tư pháp)*

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác tư pháp trong 6 tháng đầu năm 2018 theo Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch số 31/KH-STP ngày 26/12/2017 của Sở Tư pháp về triển khai các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2018 ở địa phương (có dẫn chứng, số liệu cụ thể), trọng tâm gồm các nội dung:

- Công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp: ban hành các kế hoạch, văn bản triển khai công tác tư pháp năm 2018 (kế hoạch triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp, kế hoạch chuyên đề, công văn chỉ đạo, hướng dẫn...), giao ban công tác tư pháp định kỳ.

- Công tác xây dựng, thẩm định, góp ý, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL): việc tuân thủ Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; kết quả tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền; tình hình triển khai thực hiện hệ thống hóa kỳ 02 văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn.

- Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật: kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2018.

- Công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và hòa giải ở cơ sở: kết quả việc triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức đánh giá, chấm điểm, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; việc hướng dẫn nhiệm vụ xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước tại các thôn, buôn, tổ dân phố; việc triển khai Kế hoạch tổ chức Hội thi “Hòa giải viên giỏi” năm 2018; kinh phí dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Công tác hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi: việc thi hành Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành; tình hình thi hành Nghị định 23/2015/NĐ-

CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước (tổng số trường hợp đăng ký, số vụ việc bị thu hồi, huỷ bỏ, con nuôi nhà chùa); việc hướng dẫn, kiểm tra công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi theo thẩm quyền.

- Công tác xây dựng Ngành: kết quả công tác củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức của Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch tại UBND cấp xã theo tiêu chuẩn, chức danh; công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức.

- Các mặt công tác khác: kết quả công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tư pháp tại địa phương; việc chấp hành chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác tư pháp, thống kê tư pháp theo quy định; công tác kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với UBND cấp xã; công tác phối hợp triển khai hoạt động trợ giúp pháp lý; công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; công tác thi đua, khen thưởng; trang bị, phương tiện làm việc, bố trí kinh phí hoạt động cho phòng tư pháp, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã...

(Ghi chú: đối với các đơn vị được kiểm tra chuyên sâu thì không báo cáo nội dung được kiểm tra chuyên sâu nêu tại mục này)

II. ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA CHUYÊN SÂU, BÁO CÁO THEO CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ SAU

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL

Gồm các lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng pháp luật; thẩm định, góp ý; kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL. Kết quả đạt được (có dẫn chứng, số liệu cụ thể) tập trung vào các nội dung:

- *Công tác xây dựng, thẩm định, góp ý văn bản QPPL*: việc tuân thủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản QPPL theo Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh quy định trình tự, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh; nêu rõ số lượng và đánh giá về chất lượng công tác xây dựng pháp luật, thẩm định, góp ý văn bản QPPL.

- *Công tác kiểm tra văn bản QPPL*: kết quả tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền, trong đó nêu rõ số lượng văn bản được kiểm tra? số văn bản có dấu hiệu trái pháp luật đã được phát hiện? trong đó, bao nhiêu văn bản sai nội dung? bao nhiêu văn bản sai thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai cả nội dung và thẩm

quyền? bao nhiêu văn bản sai khác? việc xử lý, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra?

- *Về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản*: kết quả rà soát văn bản QPPL thường xuyên; tình hình triển khai và thực hiện Kế hoạch hệ thống hóa kỳ 02 văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn.

2. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và hòa giải ở cơ sở

Gồm các lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước và hòa giải ở cơ sở. Kết quả đạt được (có dẫn chứng, số liệu cụ thể) tập trung vào các nội dung:

- *Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*

+ Việc ban hành các văn bản, kế hoạch triển khai, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2018.

+ Kết quả triển khai thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, các Chương trình phối hợp về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (nếu có), trong đó, chú trọng kết quả hoạt động tuyên truyền nội dung Hiến pháp năm 2013, các luật, pháp lệnh mới ban hành, các quy định liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp...; triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tuyên truyền về cải cách hành chính, thủ tục hành chính đến người dân, doanh nghiệp; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Cùng cố, kiện toàn, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ Rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; bồi dưỡng kiến thức pháp luật mới và kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ này.

- *Kinh phí dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2018 tại địa phương* (nêu số lượng cụ thể kinh phí dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp huyện, cấp xã).

- *Công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*: kết quả tổ chức tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho công chức làm công tác này tại cấp huyện, cấp xã; tổ chức đánh giá, chấm điểm, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- *Việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước*: việc hướng dẫn nhiệm vụ xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước tại các thôn, buôn, tổ dân phố (tổng số hương ước, quy ước đã rà soát? sửa đổi, bổ sung bao nhiêu hương ước, quy ước?); phổ biến Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

- *Công tác hòa giải ở cơ sở*: kết quả triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; việc củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, đội ngũ hòa giải viên (tổng số tổ hòa giải/thôn, buôn, tổ dân phố; tổng số hòa giải viên); tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật mới, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác hòa giải cho cán bộ, công chức quản lý công tác hòa giải ở cơ sở và đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở; hoạt động của Tổ hòa giải, hòa giải viên ở cơ sở (số vụ việc thụ lý? số vụ việc hòa giải thành?); việc triển khai Kế hoạch tổ chức Hội thi “Hòa giải viên giỏi” năm 2018; việc bố trí kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

3. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật

- Việc ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

- Việc chấp hành chế độ báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong 6 tháng đầu năm 2018.

4. Công tác hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi

Gồm các lĩnh vực quản lý nhà nước về hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi. Kết quả đạt được (có dẫn chứng, số liệu cụ thể) tập trung vào các nội dung:

- *Về công tác hộ tịch*: việc thi hành Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành; thực hiện Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 - 2024.

- *Về lĩnh vực chứng thực*: tình hình thi hành Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản tại địa phương.

- *Về công tác nuôi con nuôi*: thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về nuôi con nuôi; tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước (tổng số trường hợp đăng ký, số vụ việc bị thu hồi, huỷ bỏ, con nuôi nhà chùa).

- Kết quả việc hướng dẫn, kiểm tra công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi theo thẩm quyền.

III . ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về những kết quả nổi bật đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong từng lĩnh vực cụ thể.

IV. CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI TỪNG LĨNH VỰC CÔNG TÁC

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

